

PHỤ LỤC SỐ 01
BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG		40,210,000.000	-	-	8,800,000.000	-	8,800,000.000	-	26,200,000.000	35,000,000.000	- 8,800,000.000	-	35,000,000.000	35,000,000.000	-	-	-
	Kế hoạch giao		40,210,000.000	-	-	8,800,000.000	-	8,800,000.000	-	26,200,000.000	35,000,000.000	- 8,800,000.000	-	35,000,000.000	35,000,000.000	-	-	-
II	Các dự án đầu tư giai đoạn 2026 - 2030		40,210,000.000	-	-	8,800,000.000	-	8,800,000.000	-	26,200,000.000	35,000,000.000	- 8,800,000.000	-	35,000,000.000	35,000,000.000	-	-	-
A	Lĩnh vực giao thông		40,210,000.000	-	-	8,800,000.000	-	8,800,000.000	-	26,200,000.000	35,000,000.000	- 8,800,000.000	-	35,000,000.000	35,000,000.000	-	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Ngũ Hùng (cũ), đoạn từ Nhà văn hóa thôn My Tri đến đường tỉnh 396C; đoạn từ ngã ba La Ngoại qua Nhà văn hóa thôn Tiểu Lâm đến đường tỉnh 392B	QĐ số 1902/QĐ-UBND ngày 29/8/2026	40,210,000.000			8,800,000.000		8,800,000.000	-	26,200,000.000	35,000,000.000	- 8,800,000.000		35,000,000.000	35,000,000.000	-	-	

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:			Tổng nguồn vốn	Trong đó:			Tổng nguồn vốn	Trong đó:			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG		67,622,000.000	-	-	23,650,000.000	-	23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	-	-	-	-	-
	Kế hoạch giao		67,622,000.000	-	-	23,650,000.000	-	23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	-	-	-	-	-
	Cân đối thừa thiếu																	
**	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn		67,622,000.000	-	-	23,650,000.000	-	23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	-	-	-	-	-
I	Các dự án đầu tư giai đoạn 2026 - 2030		67,622,000.000	-	-	23,650,000.000	-	23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	- 23,650,000.000	-	-	-	-	-	-
A	Lĩnh vực giao thông		1,300,000.000	-	-	1,300,000.000	-	1,300,000.000	-	- 1,300,000.000	-	- 1,300,000.000	-	-	-	-	-	-
1	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ nhà ông Tới đến nhà ông Thao; thôn Phú Nội; Hạng mục: Mặt đường BTXM, dài 400 mét		800,000.000			800,000.000	-	800,000.000	-	- 800,000.000		- 800,000.000		-	-	-	-	-
2	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ đường tỉnh 392B đến nghĩa trang Bát Nao dài 150 m (từ chi nhánh điện Thanh Miện đến nghĩa trang Bát Nao)		500,000.000			500,000.000	-	500,000.000	-	- 500,000.000		- 500,000.000		-	-	-	-	-
B	Lĩnh vực Giáo dục	0	41,672,000.000	-	-	13,150,000.000	-	13,150,000.000	-	- 13,150,000.000	-	- 13,150,000.000	-	-	-	-	-	-
1	Xây mới 2 tầng 2 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Thanh Miện, điểm trường số 1		4,631,399.000			1,350,000.000	-	1,350,000.000	-	- 1,350,000.000		- 1,350,000.000		-	-	-	-	-
2	Xây mới 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Thanh Miện (điểm trường 2)		10,100,000.000			3,000,000.000	-	3,000,000.000	-	- 3,000,000.000		- 3,000,000.000		-	-	-	-	-
3	Xây mới 2 tầng 4 phòng học, Nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Ngũ Hùng		6,200,000.000			3,000,000.000	-	3,000,000.000	-	- 3,000,000.000		- 3,000,000.000		-	-	-	-	-
4	Cải tạo khuôn viên trụ sở UBND xã và nhà văn hóa Cao Thắng (cũ) cho trường THCS Cao Thắng làm nhà hiệu bộ, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ		2,000,000.000			900,000.000	-	900,000.000	-	- 900,000.000		- 900,000.000		-	-	-	-	-
5	Cải tạo khuôn viên trụ sở UBND xã Ngũ Hùng (cũ) cho trường THCS Ngũ Hùng làm nhà hiệu bộ và cơ sở giáo dục		3,000,000.000			900,000.000	-	900,000.000	-	- 900,000.000		- 900,000.000		-	-	-	-	-
6	Xây mới nhà ăn Trường THCS Nguyễn Lương Bằng		7,000,000.000			1,200,000.000	-	1,200,000.000	-	- 1,200,000.000		- 1,200,000.000		-	-	-	-	-
7	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Tứ Cường		8,740,601.000			2,800,000.000	-	2,800,000.000	-	- 2,800,000.000		- 2,800,000.000		-	-	-	-	-
C	Lĩnh vực môi trường		2,000,000.000	-	-	600,000.000	-	600,000.000	-	- 600,000.000	-	- 600,000.000		-	-	-	-	
1	Cải tạo, mở rộng bãi rác Phạm Khê (tập trung cho các thôn của địa bàn Cao Thắng cũ)		1,000,000.000			300,000.000	-	300,000.000	-	- 300,000.000		- 300,000.000		-	-	-	-	-
2	Cải tạo, mở rộng bãi rác thôn Phú Nội (tập trung cho các thôn của địa bàn Hùng Sơn cũ)		1,000,000.000			300,000.000	-	300,000.000	-	- 300,000.000		- 300,000.000		-	-	-	-	-
E	Lĩnh vực thiết chế Văn hóa - Y tế		5,000,000.000	-	-	1,500,000.000	-	1,500,000.000	-	- 1,500,000.000	-	- 1,500,000.000		-	-	-	-	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	19
1	Cải tạo khuôn viên trường Mầm non thị trấn Thanh Miện (cũ) thành công viên cây xanh		5,000,000.000			1,500,000.000	-	1,500,000.000	-	- 1,500,000.000		- 1,500,000.000		-	-	-	-	
F	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và Quy hoạch chi tiết các công trình, dự án, Chợ dân sinh		17,650,000.000	-	-	7,100,000.000	-	7,100,000.000	-	- 7,100,000.000	-	- 7,100,000.000	-	-	-	-	-	
1	Điểm dân cư mới thôn Bằng Bộ (khu Sau Háng)		15,000,000.000			6,200,000.000	-	6,200,000.000	-	- 6,200,000.000		- 6,200,000.000		-	-	-	-	
2	Lập quy hoạch chung xã và quy hoạch chi tiết các Trường, Trạm y tế		2,650,000.000			900,000.000	-	900,000.000	-	- 900,000.000		- 900,000.000		-	-	-	-	

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:			Tổng nguồn vốn	Trong đó:			Tổng nguồn vốn	Trong đó:			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG		118,835,313.000	19,648,064.000	35,300,000.000	52,285,166.125	36,131,712.499	12,028,190.501	4,125,263.125	32,450,000.000	-	32,450,000.000	-	84,735,166.125	36,131,712.499	44,478,190.501	4,125,263.125	-
	Kế hoạch giao		118,835,313.000	19,648,064.000	35,300,000.000	52,285,166.125	36,131,712.499	12,028,190.501	4,125,263.125	32,450,000.000	-	32,450,000.000	-	84,735,166.125	36,131,712.499	44,478,190.501	4,125,263.125	-
	Cân đối thừa thiếu																	
*	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn		118,835,313.000	19,648,064.000	35,300,000.000	52,285,166.125	36,131,712.499	12,028,190.501	4,125,263.125	32,450,000.000	-	32,450,000.000	-	84,735,166.125	36,131,712.499	44,478,190.501	4,125,263.125	-
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang		54,948,064.000	19,648,064.000	35,300,000.000	27,050,000.000	16,921,809.499	8,128,190.501	2,000,000.000	6,274,062.244	-	6,274,062.244	-	33,324,062.244	16,921,809.499	14,402,252.745	2,000,000.000	-
1	Nâng cấp, cải tạo đường xã đoạn từ đường tỉnh 392B thôn La Ngoại đi thôn Nại Tri	QĐ số 74/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	19,600,000.000	5,600,000.000	14,000,000.000	9,800,000.000	7,280,000.000	1,520,000.000	1,000,000.000	3,770,443.745		3,770,443.745		13,570,443.745	7,280,000.000	5,290,443.745	1,000,000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 thôn Bàng Bô đi cầu Phi Xá, đường trục Đông Tây; Đoạn từ ngã 5 thôn Bàng Bô đến trạm bơm Phạm Khê, xã Thanh Miện	QĐ số 75/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	18,900,000.000	5,200,000.000	13,700,000.000	11,250,000.000	9,641,809.499	608,190.501	1,000,000.000	1,391,809.499		1,391,809.499		12,641,809.499	9,641,809.499	2,000,000.000	1,000,000.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mở rộng bãi rác tập trung thôn An Lạc, xã Thanh Miện	QĐ số 76/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	6,300,000.000	1,800,000.000	4,500,000.000	3,500,000.000	-	3,500,000.000	-	900,000.000		900,000.000		4,400,000.000	-	4,400,000.000	-	
4	Sân, vườn cỏ tích, nhà tập thể chất và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Thanh Miện (cơ sở 1)	QĐ số 16a/QĐ-UBND , ngày 1/4/2025	10,148,064.000	7,048,064.000	3,100,000.000	2,500,000.000	-	2,500,000.000	-	211,809.000		211,809.000		2,711,809.000	-	2,711,809.000	-	
II	Các dự án đầu tư giai đoạn 2026 - 2030		63,887,249.000	-	-	25,235,166.125	19,209,903.000	3,900,000.000	2,125,263.125	26,175,937.756	-	26,175,937.756	-	51,411,103.881	19,209,903.000	30,075,937.756	2,125,263.125	-
A	Lĩnh vực giao thông		51,235,943.000	-	-	21,209,903.000	16,659,903.000	3,900,000.000	650,000.000	20,175,937.756	-	20,175,937.756	-	41,385,840.756	16,659,903.000	24,075,937.756	650,000.000	0
1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn từ trạm bơm Phạm Khê đến cầu Phi Xá, đường trục Đông Tây (đề bồi sông Cửu An)	QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	14,000,000.000			3,900,000.000		3,900,000.000	-	3,355,785.488		3,355,785.488		7,255,785.488	-	7,255,785.488	-	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quýt tín dựng Từ Cường đi Đồng Rừng	QĐ số 174/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	6,700,000.000			2,250,000.000	2,250,000.000	-	-	4,200,000.000		4,200,000.000		6,450,000.000	2,250,000.000	4,200,000.000	-	
3	Cải tạo, nâng cấp đường xã, đoạn từ thôn Cự Tri đến nhà văn hóa thôn Mỹ Tri	QĐ số 175/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	18,000,000.000			7,209,903.000	7,209,903.000	-	-	9,000,000.000		9,000,000.000		16,209,903.000	7,209,903.000	9,000,000.000	-	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Văn Giáp đi Tuệ Tĩnh (thôn Phương Hoàng Hạ)	QĐ số 176/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	4,934,047.000			3,300,000.000	3,300,000.000	-	-	1,300,000.000		1,300,000.000		4,600,000.000	3,300,000.000	1,300,000.000	-	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trường Mầm non Ngũ Hùng đến nghĩa trang thôn Cự Tri	QĐ số 177/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	4,500,000.000			3,350,000.000	3,100,000.000	-	250,000.000	720,152.268		720,152.268		4,070,152.268	3,100,000.000	720,152.268	250,000.000	
6	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ nhà ông Tú đến nhà bà Cao, thôn Bàng Bô; Hạng mục: Mặt đường BTXM, dài 190 mét	QĐ số 104/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	900,000.000			400,000.000	-	-	400,000.000	400,000.000		400,000.000		800,000.000	-	400,000.000	400,000.000	
7	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ thôn Bàng Bô đến thôn Cao Lý dài 600m	QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,201,896.000			800,000.000	800,000.000	-	-	1,200,000.000		1,200,000.000		2,000,000.000	800,000.000	1,200,000.000	-	
B	Lĩnh vực Giáo dục	0	10,000,000.000	-	-	2,550,000.000	2,550,000.000	-	-	5,000,000.000	-	5,000,000.000	-	7,550,000.000	2,550,000.000	5,000,000.000	-	-
1	Nhà lớp học, phòng chức năng 3 tầng 9 phòng trường THCS Thanh Miện (điểm số 01)	QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	10,000,000.000			2,550,000.000	2,550,000.000	-	-	5,000,000.000		5,000,000.000		7,550,000.000	2,550,000.000	5,000,000.000	-	
G	Lĩnh vực quản lý nhà nước		2,651,306.000	-	-	1,475,263.125	-	-	1,475,263.125	1,000,000.000	-	1,000,000.000	-	2,475,263.125	-	1,000,000.000	1,475,263.125	-

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	15=16+17+18	16	17	18	19
1	Cải tạo, sửa chữa sân trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,651,306.000			1,475,263.125	-	-	1,475,263.125	1,000,000.000		1,000,000.000		2,475,263.125	-	1,000,000.000	1,475,263.125	

PHỤ LỤC SỐ 04
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH (LẦN 5)

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG		194,552,060.000	21,548,064.000	39,500,000.000	134,755,166.125	71,989,903.000	57,840,000.000	4,925,263.125	-
	Kế hoạch giao		194,552,060.000	21,548,064.000	39,500,000.000	134,755,166.125	71,989,903.000	57,840,000.000	4,925,263.125	-
	Cân đối thừa thiếu					-	-	-	-	
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang		61,048,064.000	21,548,064.000	39,500,000.000	36,324,062.244	17,780,000.000	16,544,062.244	2,000,000.000	-
1	Nâng cấp, cải tạo đường xã đoạn từ đường tỉnh 392B thôn La Ngoại đi thôn Nại Trì	QĐ Số 74/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	19,600,000.000	5,600,000.000	14,000,000.000	13,570,443.745	7,280,000.000	5,290,443.745	1,000,000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 thôn Bằng Bộ đi cầu Phỉ Xá, đường trục Đông Tây; Đoạn từ ngã 5 thôn Bằng Bộ đến trạm bơm Phạm Khê, xã Thanh Miện	QĐ Số 75/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	18,900,000.000	5,200,000.000	13,700,000.000	12,641,809.499	9,641,809.499	2,000,000.000	1,000,000.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mở rộng bãi rác tập trung thôn La Ngoại, xã Thanh Miện	QĐ Số 77/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	6,100,000.000	1,900,000.000	4,200,000.000	3,000,000.000	858,190.501	2,141,809.499	-	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mở rộng bãi rác tập trung thôn An Lạc, xã Thanh Miện	QĐ Số 76/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	6,300,000.000	1,800,000.000	4,500,000.000	4,400,000.000	-	4,400,000.000	-	
5	Sân, vườn cổ tích, nhà tập thể chất và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Thanh Miện (cơ sở 1)	QĐ số 16a/QĐ-UBND , ngày 1/4/2025	10,148,064.000	7,048,064.000	3,100,000.000	2,711,809.000	-	2,711,809.000	-	
II	Các dự án đầu tư giai đoạn 2026 - 2030		133,503,996.000	-	-	98,431,103.881	54,209,903.000	41,295,937.756	2,925,263.125	-
A	Lĩnh vực giao thông		116,003,735.000	-	-	84,715,840.756	51,659,903.000	31,605,937.756	1,450,000.000	-

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn từ trạm bơm Phạm Khê đến cầu Phí Xá, đường trục Đông Tây (đê bồi sông Cừu An)	QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	14,000,000.000			7,255,785.488	-	7,255,785.488	-	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quỹ tín dụng Tứ Cường đi Đồng Rừng	QĐ số 174/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	6,700,000.000			6,450,000.000	2,250,000.000	4,200,000.000	-	
3	Cải tạo, nâng cấp đường xã, đoạn từ thôn Cự Tri đến nhà văn hóa thôn My Trì	QĐ số 175/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	18,000,000.000			16,209,903.000	7,209,903.000	9,000,000.000	-	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Văn Giáp đi Tuệ Tĩnh (thôn Phụng Hoàng Hạ)	QĐ số 176/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	4,934,047.000			4,600,000.000	3,300,000.000	1,300,000.000	-	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trường Mầm non Ngũ Hùng đến nghĩa trang thôn Cự Tri	QĐ số 177/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	4,500,000.000			4,070,152.268	3,100,000.000	720,152.268	250,000.000	
6	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ quốc lộ 38B, địa phận thôn Phụng Hoàng Hạ đến thôn My Trì;	QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	7,500,000.000			2,250,000.000	-	2,250,000.000	-	
7	Cải tạo, mở rộng đường từ sau khu đô thị Việt Hưng đến đầu làng thôn Phạm Khê	QĐ số 179/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	8,200,000.000			2,630,000.000	-	2,630,000.000	-	
8	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn từ sau KĐT Việt Hưng đến nghĩa trang Văn Khê	QĐ số 180/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	6,500,000.000			1,650,000.000	-	1,650,000.000	-	
9	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ nhà ông Tú đến nhà bà Cao, thôn Bằng Bộ; Hạng mục: Mặt đường BTXM, dài 190 mét	QĐ số 104/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	900,000.000			800,000.000	-	400,000.000	400,000.000	
10	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ thôn Bằng bộ đến thôn Cao Lý dài 600m	QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,201,896.000			2,000,000.000	800,000.000	1,200,000.000	-	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
11	Cải tạo và nâng cấp đường và rãnh thoát nước nghĩa trang các thôn Bát Nao, Lê Bình và Phượng Hoàng Thượng	QĐ số 106/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,357,792.000			1,800,000.000	-	1,000,000.000	800,000.000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Ngũ Hùng (cũ), đoạn từ Nhà văn hóa thôn My Trì đến đường tỉnh 396C; đoạn từ ngã ba La Ngoại qua Nhà văn hóa thôn Tiêu Lâm đến đường tỉnh 392B	QĐ số 1902QĐ-UBND ngày 29/8/2026	40,210,000.000			35,000,000.000	35,000,000.000	-	-	
B	Lĩnh vực Giáo dục	0	10,000,000.000	-	-	7,550,000.000	2,550,000.000	5,000,000.000	-	-
1	Nhà lớp học, phòng chức năng 3 tầng 9 phòng trường THCS Thanh Miện (điểm số 01)	QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	10,000,000.000			7,550,000.000	2,550,000.000	5,000,000.000	-	
D	Lĩnh vực Thủy lợi		2,980,040.000			1,821,085.000	-	1,821,085.000		
1	Xây mới cầu Đồng Ban, thôn Gia Cốc, xã Thanh Miện	QĐ số 107/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,980,040.000			1,821,085.000	-	1,821,085.000	-	
C	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và Quy hoạch chi tiết các công trình, dự án, Chợ dân sinh		1,868,915.000	-	-	1,868,915.000	-	1,868,915.000	-	-
1	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Cự Trì, xã Thanh Miện (giai đoạn 2)	QĐ số 108/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	1,868,915.000			1,868,915.000	-	1,868,915.000	-	
D	Lĩnh vực quản lý nhà nước		2,651,306.000	-	-	2,475,263.125	-	1,000,000.000	1,475,263.125	-
1	Cải tạo, sửa chữa sân trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,651,306.000			2,475,263.125	-	1,000,000.000	1,475,263.125	